TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/DS-ST**.**
Ngày: 03-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân

Ông Bùi Văn Thắng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2023/TLST–DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXST – DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng S

Địa chỉ trụ sở: số ,, đường N, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông La V, sinh năm 1979 là người đại diện ủy quyền theo văn bản được xác lập ngày 27/3/2023 (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: số .. đường M, khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn*: Bà Tống T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông La V trình bày:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 18/05/2020 Ngân hàng S chi nhánh ST - Phòng giao dịch N và bà Tống T thỏa thuận ký hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202025384021. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho bà T vay số tiền là 30.000.000 đồng. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay là 24 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: số kỳ trả nợ 24 kỳ, kỳ hạn trả nợ 01

tháng/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/6/2020, các kỳ trả nợ tiếp theo: vào ngày cuối mỗi tháng; số tiền trả mỗi kỳ là 1.850.000 đồng; số tiền trả kỳ cuối là 1.850.000 đồng; hình thức giải ngân: tiền mặt; Cho vay không bảo đảm; lãi suất cho vay 24%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình giao dịch đến ngày 30/6/2021 bà T ngưng thanh toán nợ cho ngân hàng đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã trả cho ngân hàng được số tiền 24.050.000 đồng, trong vốn gốc là 16.250.000 đồng, tiền lãi là 7.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ngân hàng yêu cầu bà Tống T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng dư nợ tính đến ngày xét xử 03/8/2023 là 28.351.250 đồng (*Hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi đồng*) trong đó vốn gốc là 13.750.000 đồng, lãi trong hạn 6.600.000 đồng (tính từ ngày 30/6/2021 đến ngày 18/5/2022) và lãi quá hạn là 8.001.250 đồng. Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/8/2023 cho đến khi bà T trả dứt nợ cho ngân hàng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 03/3/2021 Ngân hàng S chi nhánh ST - Phòng giao dịch N và bà Tống T thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số 00739-01260 và giấy nhận nợ cùng ngày. Theo đó, Ngân hàng cho bà T vay số tiền là 50.000.000 đồng. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay là 184 kỳ; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: số kỳ trả nợ 184 kỳ, kỳ hạn trả nợ 01 ngày/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 04/3/2021, các kỳ trả nợ tiếp theo: hàng ngày; số tiền trả mỗi kỳ là 312.900 đồng; số tiền trả kỳ cuối là 307.100 đồng; hình thức giải ngân: tiền mặt; Cho vay không bảo đảm; lãi suất cho vay: 30%/năm. Quá trình giao dịch đến ngày 20/7/2021 bà T ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng đến nay đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 21/7/2021 nhưng đến ngày 17/11/2021 thì bà T có gửi trả cho ngân hàng số tiền 8.000.000 đồng tiền vốn gốc và không thanh toán nợ đến nay.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã trả cho ngân hàng được số tiền 54.493.800 đồng, trong vốn gốc là 45.780.200 đồng, tiền lãi là 5.713.600 đồng.

Tại phiên tòa, ngân hàng yêu cầu bà Tống T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng dư nợ tính đến ngày xét xử 03/8/2023 là 10.842.003 đồng (*Mười triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm lẻ ba đồng*) trong đó vốn gốc là 4.219.800 đồng, lãi trong hạn 1.848.800 đồng và lãi quá hạn là 4.773.403 đồng. Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/8/2023 cho đến khi bà T trả dứt nợ cho ngân hàng.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn bà Tống T vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà Tống T được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Tống T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm

tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Tống T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S thấy rằng:

[2.1] Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202025384021 ngày 18/5/2020 thể hiện bà Tống T có vay của ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng. Thỏa thuận hợp đồng như sau: thời hạn cho vay là 24 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: số kỳ trả nợ 24 kỳ, kỳ hạn trả nợ 01 tháng/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/6/2020, các kỳ trả nợ tiếp theo: vào ngày cuối mỗi tháng; số tiền trả mỗi kỳ là 1.850.000 đồng; số tiền trả kỳ cuối là 1.850.000 đồng; hình thức giải ngân: tiền mặt; Cho vay không bảo đảm; lãi suất cho vay 24%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình giao dịch đến ngày 30/6/2021 bà Trang ngưng thanh toán nợ cho ngân hàng đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 30/7/2021 nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Căn cứ vào quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 thì ngân hàng khởi kiện bà T yêu cầu trả khoản nợ vay tính đến ngày 03/8/2023 tổng cộng là 28.351.250 đồng và tính lãi quá hạn từ ngày 04/8/2023 theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Theo hợp đồng tín dụng số 00739-01260 và giấy nhận nợ cùng ngày 03/3/2021: Ngân hàng cho bà T vay số tiền là 50.000.000 đồng. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay là 184 kỳ; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: số kỳ trả nợ 184 kỳ, kỳ hạn trả nợ 01 ngày/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 04/3/2021, các kỳ trả nợ tiếp theo: hàng ngày; số tiền trả mỗi kỳ là 312.900 đồng; số tiền trả kỳ cuối là 307.100 đồng; hình thức giải ngân: tiền mặt; lãi suất cho vay: 30%/năm. Quá trình giao dịch đến ngày 20/7/2021 bà Trang ngừng thanh toán nợ cho ngân hàng đến nay đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 21/7/2021 nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Căn cứ vào quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 thì ngân hàng khởi kiện bà T yêu cầu trả khoản nợ vay tính đến ngày 03/8/2023 tổng cộng là 10.842.003 đồng và tính lãi quá hạn từ ngày 04/8/2023 theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tống T phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng S được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí bà T phải chịu cụ thể như sau: 39.193.253 đồng x 5% = 1.960.000 đồng

(làm tròn). Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S khởi kiện bà Tống T.

2/ Buộc bà Tống T trả cho Ngân hàng S số tiền tổng cộng là 39.193.253 đồng (*Ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày 04/8/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202025384021 ngày 18/5/2020 và hợp đồng tín dụng số 00739-01260 và giấy nhận nợ cùng ngày 03/3/2021 cho đến khi khách hàng vay thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tống T chịu án phí là 1.960.000 đồng (*Một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*). Ngân hàng S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 919.000 đồng (*Chín trăm mười chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006581 ngày 16/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng